

Số: /BC-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

Dự thảo

BÁO CÁO

Về việc rà soát, đề nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật về tiền điện tử

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1255/QĐ-TTg ngày 21/8/2017 về việc rà soát, nghiên cứu và đề nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật về tiền điện tử, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) xin báo cáo như sau:

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TỔNG QUAN VỀ TIỀN ĐIỆN TỬ

1. Định nghĩa về tiền điện tử trên thế giới

Qua nghiên cứu, hiện nay thuật ngữ tiền điện tử (electronic money hay e-money) đã được định nghĩa trong một số văn bản luật của một số quốc gia và tổ chức tài chính – tiền tệ quốc tế, cụ thể như sau:

- Trong Chỉ thị về Tiền điện tử ban hành vào năm 2009 của Hội đồng Châu Âu (Chỉ thị 2009/110/EC), tiền điện tử được định nghĩa là “*giá trị tiền tệ thể hiện quyền đòi nợ đối với tổ chức phát hành tiền điện tử, mang một số đặc tính như được lưu trữ dưới dạng điện tử, được phát hành trên cơ sở đối ứng với số tiền nhận được không thấp hơn giá trị tiền điện tử phát hành và được các tổ chức khác không phải là tổ chức phát hành tiền điện tử chấp nhận sử dụng rộng rãi như một phương tiện thanh toán*”. Căn cứ trên định nghĩa chung này, một số nước trong khối Liên minh Châu Âu (EU) cũng đã cụ thể hóa khái niệm tiền điện tử trong các văn bản luật của nước mình, như:

- Theo danh mục các thuật ngữ dùng cho các hệ thống thanh, quyết toán của *Nhà nước Thanh toán Quốc tế (BIS)* thì tiền điện tử là “*giá trị được lưu trữ trong một thiết bị như thẻ chip hoặc ổ cứng máy tính cá nhân*”.

- Quy định của *NHTW Nhật Bản*: Tiền điện tử là một trong những công cụ thanh toán bán lẻ điện tử gắn liền với giá trị lưu trữ hoặc công cụ thanh toán điện tử trả trước trong đó người sử dụng phải nạp một số tiền trả trước để có thể sử dụng.

- Quy định của *NHTW Indonesia* về tiền điện tử: Tiền điện tử xem là phương tiện thanh toán bao gồm các yếu tố sau: (i) được phát hành dựa trên giá

trị tiền gửi của khách hàng đến tổ chức phát hành; (ii) giá trị tiền lưu trữ dưới dạng phương tiện điện tử như máy chủ (server) hoặc chip; (iii) được sử dụng như một phương tiện thanh toán tại một đơn vị chấp nhận thanh toán mà không phải là tổ chức phát hành tiền điện tử; (iv) giá trị tiền điện tử được lưu trữ bởi người nắm giữ và được quản lý bởi tổ chức phát hành.

- Luật về Dịch vụ Thanh toán và Tiền điện tử do *NHTW Latvia* soạn thảo ban hành năm 2011 đã định nghĩa tiền điện tử là “*giá trị tiền tệ được lưu trữ dưới dạng điện tử (trên một thẻ thông minh hoặc trong bộ nhớ máy tính)*” với một số đặc điểm sau: (i) thẻ hiện quyền đòi nợ đối với tổ chức phát hành; (ii) được phát hành trên cơ sở đối ứng với số tiền tổ chức phát hành nhận được; và (iii) được sử dụng như một phương tiện thanh toán và được chấp nhận bởi cá nhân hay pháp nhân không phải là tổ chức phát hành tiền điện tử.

- Luật về Tiền điện tử do *NHTW Síp* soạn thảo ban hành năm 2012 cũng đưa ra định nghĩa tương tự về tiền điện tử là “*giá trị tiền tệ được lưu trữ dưới dạng điện tử hoặc từ tính thẻ hiện như một nghĩa vụ nợ đối với tổ chức phát hành tiền điện tử, được phát hành trên cơ sở số tiền nhận được để thực hiện các giao dịch thanh toán và được chấp nhận thanh toán bởi cá nhân hoặc pháp nhân không phải là tổ chức phát hành tiền điện tử*”.

- Quy chế về tiền điện tử năm 2013 (tương đương cấp Nghị định) của *NHTW Kenya* định nghĩa ngắn gọn về tiền điện tử như sau: *Tiền điện tử là giá trị tiền tệ thể hiện quyền truy đòi (nợ) đối với tổ chức phát hành tiền điện tử với những đặc tính sau:* (i) được lưu trữ dưới dạng điện tử, bao gồm cả từ tính; (ii) được phát hành trên cơ sở đối ứng với số tiền tổ chức phát hành nhận được; và (iii) được chấp nhận là phương tiện thanh toán bởi cá nhân, tổ chức không phải là tổ chức phát hành tiền điện tử.

Từ những định nghĩa trên, có thể thấy tiền điện tử có năm đặc tính cơ bản sau: (i) được lưu trữ giá trị trên phương tiện điện tử; (ii) được thể hiện bằng quyền đòi nợ đối với tổ chức phát hành tiền điện tử; (iii) được phát hành trên cơ sở đối ứng với số tiền tổ chức phát hành nhận được; (iv) được sử dụng để thực hiện giao dịch thanh toán; và (v) được chấp nhận bởi thẻ nhân hoặc pháp nhân không phải là chính tổ chức phát hành tiền điện tử.

2. Phân biệt tiền điện tử với tiền ảo

Tại Việt Nam, khái niệm tiền điện tử đã xuất hiện và xâm nhập vào đời sống kinh tế - xã hội, tuy nhiên do chưa có định nghĩa cụ thể, rõ ràng trong các văn bản quy phạm pháp luật nên thường được hiểu lầm sang khái niệm tiền ảo

(cryptocurrency), vì vậy cần phân biệt giữa tiền điện tử và tiền ảo để hiểu đúng bản chất và hành xử phù hợp, cụ thể:

Theo định nghĩa của Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) và cũng là định nghĩa, cách hiểu thông dụng trên thế giới hiện nay thì “*Đồng tiền ảo là một loại tiền kỹ thuật số (digital money) không có sự quản lý, được phát hành bởi những người phát triển phần mềm (developers) cũng thường là người kiểm soát hệ thống, và được sử dụng và chấp nhận thanh toán giữa các thành viên trong một cộng đồng ảo nhất định*”. Như vậy, tiền ảo có những đặc tính cơ bản sau: (i) phần lớn không được công nhận là phương tiện thanh toán hợp pháp; (ii) các giao dịch chỉ được thực hiện bằng hình thức thỏa thuận trong nhóm cộng đồng người sử dụng tiền ảo; (iii) không được bảo chứng tại ngân hàng và không do ngân hàng phát hành; và (iv) không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ khi xảy ra tranh chấp.

Bảng 1 - So sánh khác biệt giữa tiền điện tử và tiền ảo

Đặc tính	Hệ thống “tiền điện tử”	Hệ thống “tiền ảo”
Dạng thức tiền	Dạng số	Dạng số
Đơn vị đo lường	Là đồng tiền truyền thống (như Euro, USD...) với địa vị tiền pháp định.	Là đồng tiền phát minh (như Đô la Linden, Bitcoin,...) không có đơn vị tiền pháp định.
Phạm vi chấp nhận	Được chấp nhận bởi những người không phải là nhà phát hành	Thường là trong một cộng đồng ảo nhất định
Địa vị pháp lý	Chịu sự quản lý	Không có sự quản lý
Người phát hành	Tổ chức tiền điện tử được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật	Công ty phi tài chính thuộc khu vực tư nhân hoặc dưới dạng phần mềm mã nguồn mở
Cung tiền	Cố định	Không cố định (tùy thuộc vào quyết định của nhà phát hành hoặc do nhu cầu của thị trường)
Khả năng được hoàn tiền	Được đảm bảo (bằng mệnh giá)	Không được bảo đảm
Chịu sự giám sát	Có	Không
Các loại rủi ro	Chủ yếu là rủi ro vận hành	Rủi ro pháp lý, tín dụng, thanh khoản và hoạt động

Như vậy, qua so sánh trên có thể thấy rằng tiền ảo *gần như hoàn toàn không có địa vị pháp lý và không được đảm bảo bằng một đồng tiền pháp định như tiền điện tử*.

3. Kinh nghiệm quản lý tiền điện tử của một số quốc gia trên thế giới.

Hiện nay, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều đã công nhận sự tồn tại của tiền điện tử và đã có những chính sách quản lý về tiền điện tử dưới những góc độ khác nhau. Qua nghiên cứu khung pháp lý, chính sách và biện pháp quản lý hoạt động cung ứng và phát hành tiền điện tử của một số quốc gia, ngân hàng trung ương trên thế giới có thể thấy quan điểm quản lý về tiền điện tử được thể hiện theo nhóm các vấn đề, cụ thể như sau:

(i) *Về phạm vi quản lý tiền điện tử theo quy định tại văn bản Luật hoặc quản lý theo phương diện mở rộng, mang tính khái quát*

Hiện nay, nhiều quốc gia trên thế giới đang quy định về tiền điện tử thông qua việc ban hành văn bản Luật (Chỉ thị hay văn bản dưới Luật). Về mặt tổng quan, các quốc gia này quản lý, giám sát việc cung ứng phát hành tiền điện tử trên cơ sở đưa ra một khái niệm cụ thể về tiền điện tử và các quy định cụ thể liên quan (điều kiện cấp phép tổ chức phát hành tiền điện tử, quy định về quyền và nghĩa vụ khách hàng,...) trong cùng văn bản. Trong đó điển hình là Chỉ thị về Tiền điện tử (EU), Luật Hệ thống Thanh toán và Quyết toán Chứng khoán (Nga, Thổ Nhĩ Kỳ), Luật Dịch vụ Thanh toán về Tiền điện tử (Síp), Hướng dẫn nguyên tắc đối với các tổ chức phát hành tiền điện tử (Ghana)¹; Quy chế về Tiền điện tử (Tanzania)²,...

Trong khi đó, một nhóm các quốc gia (như Ấn Độ, Hồng Kông, Hoa Kỳ...) không sử dụng thuật ngữ tiền điện tử mà sử dụng tên gọi mang tính khái quát hơn trong các văn bản Luật như *phương tiện thanh toán trả trước* (prepaid payment instrument) của Ấn Độ, hoặc *phương tiện thanh toán lưu trữ giá trị* (store value facility) như Singapore, hay Maylaysia xem tiền điện tử như một *phương tiện thanh toán chỉ định* (Default Payment Instrument - DPI), bao gồm tiền điện tử, thẻ ghi nợ và thẻ tín dụng.

(ii) *Về đối tượng tham gia cung ứng, phát hành tiền điện tử*

Việc cung ứng và phát hành tiền điện tử được thực hiện bởi các ngân hàng và các tổ chức không phải ngân hàng. Các quốc gia tùy vào điều kiện khác nhau để quy định về điều kiện cung ứng phát hành tiền điện tử. Phần lớn nhiều quốc gia hiện nay trên thế giới, tổ chức phát hành tiền điện tử là ngân hàng và tổ chức không phải ngân hàng như quy định của Ngân hàng Trung ương Châu Âu và một

¹ Tham khảo “*Guidelines for Electronic Money Issuers in Ghana*” của Bank of Ghana, 2002.

² Tham khảo “*The Electronic Money Regulation 2015*” của National Payment Systems Act, Tanzania.

số quốc gia Châu Phi như Tanzania, Ghana, Kenya,... Từ năm 2007, Ấn Độ đã ban hành Luật Hệ thống thanh toán (Payment Service Act), trong đó ngân hàng và tổ chức không phải ngân hàng được phép phát hành công cụ thanh toán trả trước sau khi nhận được sự chấp thuận hoặc cấp phép từ NHTW Ấn Độ,

Việc tổ chức không phải ngân hàng phát hành tiền điện tử đều phải được cơ quan có thẩm quyền của quốc gia đó cấp phép thông qua đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định. Đối với các ngân hàng, cung ứng phát hành tiền điện tử cũng phải bảo đảm điều kiện chung của các tổ chức phát hành tiền điện tử như quy định của các nước khu vực Châu Âu (Thổ Nhĩ Kỳ, Nga, Latvia), một số quốc gia ở Châu Á (Nhật Bản, Ấn Độ, Malaysia, ...) và một số quốc gia Châu Phi (Kenya, Tanzania, Ghana...)

(iii) Quy định về điều kiện phát hành tiền điện tử

Theo Liên minh Châu Âu, các đơn vị phát hành tiền điện tử bao gồm (i) các đơn vị phát hành được công nhận như tổ chức tín dụng, tổ chức tiền điện tử, tổ chức chuyển tiền bưu điện được quyền phát hành tiền điện tử, NHTW Châu Âu và các NHTW quốc gia trong khu vực, cơ quan công quyền của các quốc gia thành viên; và (ii) pháp nhân không phải ngân hàng. Để phát hành tiền điện tử, các tổ chức không phải là ngân hàng phải đáp ứng được những điều kiện cơ bản do Liên minh Châu Âu quy định như vốn điều lệ là 350.000 Euro, quản lý tài chính về việc phát hành tiền điện tử và các hoạt động khác; đồng thời có thể thực hiện một số hoạt động khác như cung ứng dịch vụ thanh toán, hỗ trợ hoạt động...nhưng không được nhận tiền gửi hoặc chi trả tiền mặt cho khách hàng giống như các tổ chức tín dụng.

Hoa Kỳ và một số quốc gia Châu Phi (Ghana, Tanzania, Kenya) quy định điều kiện để trở thành các EMIs bao gồm (i) có cơ chế tách bạch giữa tiền của tổ chức phát hành tiền điện tử và tiền của khách hàng; (ii) mở tài khoản ủy thác tại ngân hàng có uy tín trên thị trường và duy trì số dư theo quy định của NHTW; (iii) tiền phát hành được coi như một khoản nợ hoặc nghĩa vụ trả nợ; (iv) không được phép thực hiện các hoạt động cầm cố, đầu tư, sử dụng làm tài sản đảm bảo, cho vay...trên cơ sở số tiền điện tử thu được từ khách hàng; (v) được kiểm tra và giám sát bởi NHTW hàng năm về điều kiện tài chính, mức độ an toàn và lành mạnh trong hoạt động kinh doanh, mức độ tuân thủ pháp luật; (vi) định kỳ hàng quý công bố thông tin minh bạch về các báo cáo kết quả kinh doanh được kiểm toán bởi tổ chức uy tín; tuân thủ các quy định trong cấp phép; kế hoạch kinh doanh và các chính sách kinh doanh, cũng như nhận định về những rủi ro mà các tổ chức phát hành tiền điện tử đang phải đối mặt.

Bảng 2 - Quy định pháp lý về tiền điện tử của một số quốc gia trên thế giới

Nội dung/tiêu chí	Quy định pháp lý	Quốc gia/tổ chức tài chính quốc tế áp dụng
Hình thức văn bản	Chỉ thị về Tiền điện tử; Luật (hoặc văn bản dưới Luật), Quy chế, Hướng dẫn nguyên tắc	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ thị về tiền điện tử: Liên minh Châu Âu (EU) - Luật Dịch vụ Thanh toán/quyết toán: Nga, Thổ Nhĩ Kỳ, Nhật Bản, Malaysia, Ấn Độ, Síp, Tanzania... - Quy chế về tiền điện tử: Kenya - Hướng dẫn nguyên tắc: Ghana
Thuật ngữ	Tiền điện tử, phương tiện thanh toán trả trước, phương tiện lưu trữ giá trị (SVF), phương tiện thanh toán chỉ định (DPI)	<ul style="list-style-type: none"> - Tiền điện tử: Liên minh Châu Âu; Ngân hàng thanh toán quốc tế, Nhật Bản, Síp, Latvia, Indonesia, Kenya ... - Phương tiện thanh toán trả trước (PPI): Vương quốc Anh, Hồng Kông, Ấn Độ... - Phương tiện lưu trữ giá trị (SVF): Singapore. - Phương tiện thanh toán chỉ định (DPI): Malaysia.
Đối tượng/tổ chức phát hành	Ngân hàng và tổ chức không phải ngân hàng	Liên minh Châu Âu, Ấn Độ, Malaysia và một số quốc gia Châu phi như Tanzania, Kenya, Ghana,..
Điều kiện phát hành tiền điện tử	Tổ chức phát hành tiền điện tử phải đảm bảo các yêu cầu/điều kiện về vốn, tỷ lệ khả năng thanh khoản, nhân sự, hạ tầng, hệ thống công nghệ thông tin...	Hoa Kỳ, Liên minh Châu Âu, Nga, Thổ Nhĩ Kỳ, Síp, Latvia, Nhật Bản, Singapore, Ấn Độ, Malaysia, Tanzania, Kenya...
Cấp phép phát hành tiền điện tử	Cơ quan quản lý/ngân hàng trung ương	Hầu hết tất cả các quốc gia có quy định về tiền điện tử
Quản trị rủi ro đối với tổ chức phát hành	Tổ chức phát hành tiền điện tử không được huy động nhận tiền gửi; số tiền điện tử được phát hành phải được gửi một giá trị tiền tương đương vào tài khoản đảm bảo/ký quỹ tại ngân hàng; số tiền gửi trong tài khoản đảm bảo không được trả lãi; tổ chức phát hành không phải là ngân hàng không được tham gia vào đầu tư hoặc cho vay theo Luật các TCTD; yêu cầu xác thực/định danh khách hàng (KYC) trong quá trình cung ứng dịch vụ tiền điện tử; có biện pháp phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố (ALM/CFT...)	Liên minh Châu Âu, Nga, Thổ Nhĩ Kỳ, Síp, Nhật Bản, Ấn Độ, Singapore, Kenya...
Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Tổ chức phát hành tiền điện tử phải công bố công khai mức phí và lãi suất các dịch vụ cung cấp cho khách hàng,	Liên minh Châu Âu, Hoa Kỳ, Nga, Thổ Nhĩ Kỳ, Nhật Bản, Latvia, Síp, Singapore, Malaysia, Tanzania ...

	cũng như những thay đổi về phí và lãi suất; Phải có thỏa thuận bằng văn bản giữa tổ chức phát hành và khách hàng, trong đó xác định trách nhiệm của tổ chức phát hành, quyền lợi của khách hàng, giải quyết khiếu nại...; hoàn trả số tiền cho khách hàng với giá trị tương đương trong trường hợp khách hàng bị mất tiền...	
--	--	--

II. THỰC TRẠNG VỀ TIỀN ĐIỆN TỬ TẠI VIỆT NAM

1. Cơ sở pháp lý về tiền điện tử

Các văn bản pháp lý hiện hành liên quan đến tiền điện tử đang được quy định tại một số văn bản quy phạm pháp luật riêng lẻ hoặc gián tiếp đề cập tại một số văn bản sau:

- *Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH ngày 16/6/2010:*

+ Khoản 3 Điều 2 quy định: “Ngân hàng Nhà nước thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối; thực hiện chức năng của ngân hàng trung ương về phát hành tiền, ngân hàng của các tổ chức tín dụng và cung ứng dịch vụ tiền tệ Chính phủ.”

+ Khoản 15 Điều 4 quy định: “15. Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản là việc cung ứng phương tiện thanh toán; thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng, thư tín dụng và các dịch vụ thanh toán khác cho khách hàng thông qua tài khoản của khách hàng”.

+ Khoản 2 Điều 28 quy định: “2. Ngân hàng Nhà nước thực hiện việc quản lý các phương tiện thanh toán trong nền kinh tế”.

- *Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH ngày 16/6/2010:*

+ Điều 97 quy định về hoạt động ngân hàng điện tử: “Tổ chức tín dụng được thực hiện các hoạt động kinh doanh qua việc sử dụng các phương tiện điện tử theo hướng dẫn của NHNN về quản lý rủi ro và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử”.

+ Khoản 5 Điều 98 về hoạt động ngân hàng của ngân hàng thương mại quy định: “5. Cung ứng các phương tiện thanh toán”.

- *Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt và Nghị định 80/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 101/2012/NĐ-CP:*

+ Khoản 6, Điều 1 quy định: “6. Phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt sử dụng trong giao dịch thanh toán (sau đây gọi là phương tiện thanh toán), bao gồm: Séc, lệnh chi, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng và các phương tiện thanh toán khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước”.

+ Khoản 8 Điều 4 quy định: “Dịch vụ Ví điện tử là dịch vụ cung cấp cho khách hàng một tài khoản điện tử định danh do các tổ chức cung ứng dịch vụ tạo lập trên vật mang tin (như chip điện tử, sim điện thoại di động, máy tính...), cho phép lưu giữ một giá trị tiền tệ được đảm bảo bằng giá trị tiền gửi tương đương với số tiền được chuyển từ tài khoản thanh toán của khách hàng tại ngân hàng vào tài khoản đảm bảo thanh toán của tổ chức cung ứng dịch vụ Ví điện tử theo tỷ lệ 1:1”.

- Thông tư 39/2014/TT-NHNN ngày 11/12/2014 của Thống đốc NHNN hướng dẫn về dịch vụ trung gian thanh toán trong đó quy định các nội dung điều chỉnh hoạt động cung ứng dịch vụ Ví điện tử của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

- *Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 quy định về hoạt động thẻ ngân hàng (được sửa đổi bởi Thông tư số 26/2017/TT-NHNN ngày 29/12/2017)* quy định: “Thẻ trả trước là thẻ cho phép chủ thẻ thực hiện giao dịch thẻ trong phạm vi giá trị tiền được nạp vào thẻ tương ứng với số tiền đã trả trước cho tổ chức phát hành thẻ”.

Như vậy, hiện nay cơ sở pháp lý điều chỉnh về tiền điện tử tại Việt Nam đã được quy định dưới dạng thẻ trả trước ngân hàng hay Ví điện tử. Tuy vậy, khuôn khổ pháp lý về tiền điện tử tại Việt Nam cần phải được tiếp tục hoàn chỉnh, bổ sung nhằm bảo đảm tính đầy đủ, toàn diện để đáp ứng được yêu cầu thực tiễn và phù hợp với thông lệ quốc tế.

2. Một số hình thái biểu hiện của tiền điện tử tại Việt Nam

Qua rà soát các văn bản pháp luật hiện hành và đối chiếu với những đặc tính của tiền điện tử và thực tiễn tại Việt Nam, có thể thấy tiền điện tử đang tồn tại dưới một số hình thức:

2.1. Thẻ trả trước ngân hàng

Khái niệm thẻ trả trước ngân hàng lần đầu tiên được đề cập tại Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNN ngày 15/5/2007 ban hành quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ thẻ ngân hàng. Theo đó, thẻ trả trước là “*thẻ cho phép chủ thẻ thực hiện giao dịch thẻ trong phạm vi giá tiền được nạp vào thẻ tương ứng với số tiền đã trả trước cho tổ chức phát hành thẻ*”. Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 quy định về hoạt

động thẻ ngân hàng thay thế Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 tiếp tục giữ nguyên khái niệm này nhưng có điều chỉnh việc phân loại thẻ trả trước thành 02 loại, gồm: Thẻ trả trước định danh (có các thông tin định danh chủ thẻ) và thẻ trả trước vô danh (không có các thông tin định danh của chủ thẻ).

Nghiên cứu bản chất thẻ trả trước tại văn bản quy định pháp lý hiện hành đối chiếu với các đặc tính cơ bản về tiền điện tử và thực tiễn phát hành, sử dụng thẻ trả trước ngân hàng tại Việt Nam, có thể thấy thẻ trả trước ngân hàng là một trong các hình thái biểu hiện của tiền điện tử.

Hiện nay, cơ sở pháp lý điều chỉnh hoạt động thẻ nói chung và thẻ trả trước ngân hàng nói riêng được quy định tại Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định về hoạt động thẻ ngân hàng (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 26/2017/TT-NHNN ngày 29/12/2017). Thời gian qua, xu hướng thẻ trả trước đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ, số lượng thẻ trả trước đang lưu hành trên toàn quốc đến cuối năm 2017 đạt khoảng 7,99 triệu thẻ (trong đó thẻ trả trước nội địa đạt mức 5,48 triệu thẻ và thẻ trả trước quốc tế là 2,32 triệu thẻ), tăng 41,12% so với năm 2016 và có chiều hướng tiếp tục gia tăng để đáp ứng nhu cầu thanh toán ngày càng cao của khách hàng.

2.2. Ví điện tử

Nghị định 80/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 101/2012/NĐ-CP và Thông tư 39/2014/TT-NHNN ngày 11/12/2014 đã đưa ra định nghĩa về dịch vụ Ví điện tử trong đó cho phép lưu trữ một giá trị tiền tệ được đảm bảo bằng giá trị tiền gửi tương đương với số tiền chuyển từ tài khoản thanh toán của khách hàng tại ngân hàng vào tài khoản đảm bảo thanh toán của tổ chức cung ứng dịch vụ Ví điện tử theo tỷ lệ 1:1 và được sử dụng làm phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt. Định nghĩa này về bản chất tương tự giống với định nghĩa về tiền điện tử của nhiều quốc gia trên thế giới.

Từ năm 2008, NHNN đã cho phép 08 tổ chức không phải là ngân hàng được thực hiện thí điểm cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán Ví điện tử và cho đến nay, NHNN đã cấp Giấy phép cho 27 tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, trong đó 24/27 các tổ chức trung gian thanh toán hiện đang cung ứng dịch vụ Ví điện tử trên thị trường. Thời gian qua, Ví điện tử có sự tăng trưởng mạnh mẽ cả về số lượng phát hành và số lượng giao dịch, cụ thể theo báo cáo của các tổ chức cung ứng dịch vụ Ví điện tử tại Việt Nam, hiện có khoảng trên 5 triệu Ví điện tử được phát hành trên thị trường, mang đến sự tiện lợi cho người sử dụng và đang trở thành một xu hướng thanh toán phổ biến tại Việt Nam, đóng góp tích cực vào việc thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt và phổ cập tài chính tại Việt Nam.

Như vậy, về cơ sở pháp lý về tiền điện tử tại Việt Nam, tuy chưa có văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoàn thiện và đồng bộ về tiền điện tử nhưng xét về các đặc tính và bản chất của tiền điện tử theo thông lệ quốc tế, thì thẻ trả trước do ngân hàng phát hành và Ví điện tử là hai hình thức biểu hiện của tiền điện tử và cũng đã được điều chỉnh tại một số văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

2.3. Bên cạnh hai hình thức biểu hiện của tiền điện tử nêu trên đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, trên thực tế hiện nay một lượng lớn giá trị được lưu trữ trên các điện thoại di động của các chủ thuê bao, trường hợp sử dụng giá trị này để thanh toán hàng hóa, dịch vụ (thanh toán đa mục đích), xét theo những đặc tính của tiền điện tử thì loại hình này cần xem xét, quản lý như một hình thái biểu hiện của tiền điện tử.

Đối với việc sử dụng các loại thẻ cào điện thoại của nhà mạng viễn thông, thẻ trò chơi trực tuyến (không phải phương tiện thanh toán theo pháp luật hiện hành)...sử dụng để thanh toán đa mục đích hoặc có thể quy đổi thành tiền mặt, tiềm ẩn những rủi ro phức tạp và ảnh hưởng đến sự ổn định của thị trường tài chính tiền tệ quốc gia. Về vấn đề này, NHNN đã có Tờ trình số 181/TTr-NHNN ngày 7/12/2015 và Báo cáo số 264/BC-NHNN.m ngày 27/7/2016, trong đó đề nghị Chính phủ giao các Bộ, ngành nghiên cứu, bổ sung hoàn thiện pháp lý để quản lý các loại hình này. Đồng thời, tại Công văn số 5551/VPCP-KTTH ngày 6/7/2016 của Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến chỉ đạo: “Giao Bộ Công thương, Bộ Thông tin và Truyền thông căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với NHNN và các cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng các quy định pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động cấp phép, phát hành, sử dụng thẻ trong hoạt động mua hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước của từng Bộ (trừ các loại thẻ thanh toán do NHNN quản lý), đảm bảo khả năng chi trả và thanh toán cho khách hàng...”. Do vậy, cần thiết phải có biện pháp quản lý chặt chẽ các loại thẻ chỉ được thực hiện cho chính dịch vụ được cung cấp bởi nhà phát hành (thẻ thanh toán đơn mục đích) không để biến tướng thành thẻ đa mục đích sử dụng như một phương tiện thanh toán, hạn chế những rủi ro có thể xảy ra đối với tổ chức phát hành và khách hàng.

3. Những hạn chế trong khuôn khổ pháp lý về tiền điện tử

Từ thực trạng về tiền điện tử tại Việt Nam và qua nghiên cứu kinh nghiệm quản lý tiền điện tử của một số quốc gia trên thế giới, NHNN thấy rằng khuôn khổ pháp lý về tiền điện tử tại Việt Nam còn một số hạn chế, như sau:

Thứ nhất, văn bản quy phạm pháp luật về tiền điện tử hiện nay chưa theo kịp với sự thay đổi của thực tiễn và thông lệ quốc tế

Nghiên cứu cho thấy phần lớn các nước trên thế giới có hệ thống pháp luật khá hoàn chỉnh và đồng bộ về tiền điện tử, một số nước đã ban hành quy định về tiền điện tử ở cấp độ Luật như Luật Hệ thống thanh toán (như Nga, Thổ Nhĩ Kỳ, Án Độ...); một số quốc gia đã ban hành quy chế riêng về tiền điện tử (như Ghana, Kenya, Tanzania), trong đó quy định các nội dung liên quan đến tiền điện tử (như khái niệm tiền điện tử, tổ chức phát hành tiền điện tử, thẩm quyền cấp phép, quản lý, giám sát, quản trị rủi ro, quyền và nghĩa vụ của khách hàng...). Hiện các vấn đề liên quan đến tiền điện tử tại Việt Nam đang được quy định tại một số văn bản quy phạm pháp luật dưới dạng thẻ trả trước được quy định tại Thông tư quy định về hoạt động thẻ ngân hàng và Ví điện tử được quy định tại Nghị định 101/2012/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 80/2016/NĐ-CP) và Thông tư hướng dẫn về dịch vụ trung gian thanh toán (Thông tư 39/2014/TT-NHNN), nhưng chưa có một văn bản quy phạm pháp luật cụ thể quy định đầy đủ, đồng bộ để điều chỉnh về tiền điện tử. Vì vậy, cần thiết phải hoàn thiện khuôn khổ pháp lý quy định về tiền điện tử tại Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và theo kịp làn sóng phát triển của khoa học công nghệ và thông lệ quốc tế.

Thứ hai, cần làm rõ bản chất của tiền điện tử để xác định phạm vi và đối tượng chịu sự quản lý

Như đã đề cập, thuật ngữ tiền điện tử đã xuất hiện tại Việt Nam nhưng chưa có định nghĩa cụ thể, rõ ràng trong các văn bản quy phạm pháp luật nên thường được hiểu lầm sang khái niệm như tiền ảo, tiền kỹ thuật số, cũng như chưa hiểu đúng bản chất của tiền điện tử. Trên thực tế, văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chỉ mới đề cập đến đối tượng là ngân hàng phát hành thẻ trả trước, Ví điện tử và tổ chức trung gian thanh toán cung ứng dịch vụ Ví điện tử. Trong khi đó, nhiều quốc gia trên thế giới đã phát triển mạnh mẽ tiền điện tử trên thiết bị điện thoại di động (money mobile) thông qua các nhà mạng viễn thông³, tuy nhiên tại Việt Nam chưa có quy định quản lý về loại hình này.

Để đảm bảo sự thống nhất trong cách hiểu và làm rõ về bản chất của tiền điện tử, cũng như đảm bảo hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát các hệ thống, phương tiện thanh toán hợp pháp tại Việt Nam, cần có một định nghĩa chính thức, chuẩn xác quy định trong các văn bản pháp lý về tiền điện tử tại Việt Nam. Trên cơ sở đó, xác định rõ phạm vi và đối tượng điều chỉnh là các ngân hàng và tổ chức không phải ngân hàng được phép tham gia cung ứng, phát hành tiền điện tử khi đáp ứng đầy đủ các quy định pháp lý. Việc ban hành hành quy định này sẽ

³ Điện hình là Kenya và nhiều nước khác đang thực hiện rất thành công và là phương tiện thanh toán phục vụ cho việc phổ cập tài chính đến với người dân.

thúc đẩy thanh toán điện tử phát triển đặc biệt các khoản thanh toán bán lẻ; giúp cho người dân ở các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng nông thôn, hải đảo có cơ hội tiếp cận các dịch vụ tài chính với sự tiện lợi, nhanh chóng, chi phí hợp lý góp phần thúc đẩy phổ cập tài chính tại Việt Nam phù hợp với chủ trương, định hướng của Chính phủ. Mặt khác, việc xác định rõ phạm vi và các loại hình tương tự như phương tiện thanh toán cũng giúp cơ quan quản lý có biện pháp ngăn chặn các công cụ không được xem là phương tiện thanh toán hợp pháp sử dụng thanh toán đa mục đích hoặc quy đổi ra tiền mặt.

Thứ ba, việc quy định quản lý, giám sát cụ thể đối với hoạt động cung ứng phát hành tiền điện tử còn thiếu đồng bộ..

Thực tế hiện nay điều kiện cụ thể để quản lý hoạt động phát hành tiền điện tử dưới hình thái biểu hiện dưới dạng thẻ trả trước ngân hàng và Ví điện tử đã có quy định tại văn bản pháp lý hiện hành nhưng vẫn thiếu đồng bộ. Chẳng hạn thẻ trả trước ngân hàng được điều chỉnh tại Thông tư quy định hoạt động thẻ ngân hàng nhưng lại không quy định những điều kiện khác biệt hay mang bản chất của tiền điện tử (tức không có quy định ràng buộc hay khác biệt đáng kể nào so với thẻ ghi nợ và thẻ tín dụng); trong khi đó theo quy định về tiền điện tử của các quốc gia trên thế giới đều có quy định phải duy trì tổng tiền tại ngân hàng thương mại hay ngân hàng trung ương hay một tổ chức độc lập khác bằng hoặc không thấp hơn giá trị tiền điện tử được phát hành.

Mặt khác, để được phát hành tiền điện tử thì các tổ chức phát hành tiền điện tử phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định bởi cơ quan quản lý/ngân hàng trung ương. Tuy nhiên, tại Việt Nam ngoài việc ngân hàng được phép cung ứng các phương tiện thanh toán hay tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cung ứng dịch vụ Ví điện tử, hiện chưa có quy định về điều kiện cho các tổ chức khác phát hành tiền điện tử làm cơ sở để cơ quan quản lý nhà nước quản lý, cấp phép và giám sát hoạt động của loại hình này.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ ĐỀ XUẤT CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

1. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để quản lý tiền điện tử tại Việt Nam

Xuất phát từ sự phát triển của khoa học công nghệ và viễn thông, những tác động từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư, cũng như nhu cầu thực tiễn tạo điều kiện cho các tổ chức không phải ngân hàng/công ty công nghệ tài chính (fintech) cung ứng các sản phẩm, dịch vụ thanh toán mới, hiện đại trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin, cần thiết phải bổ sung, hoàn thiện hành lang pháp lý về

cung ứng phát hành tiền điện tử tại Việt Nam, theo đó NHNN đưa ra một số giải pháp như sau:

Thứ nhất, sớm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về quản lý tiền điện tử một cách toàn diện và thống nhất

Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý quản lý về tiền điện tử là điều kiện tiên quyết nhằm thúc đẩy và quản lý hiệu quả hoạt động tiền điện tử của bất kỳ quốc gia nào và Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ. Vì vậy, Việt Nam cần xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có tính toàn diện, quy định đầy đủ, thống nhất các vấn đề liên quan đến tiền điện tử. Trong đó, làm rõ khái niệm, hình thái, bản chất tiền điện tử; thẩm quyền cấp phép; điều kiện thực hiện phát hành tiền điện tử; quản trị rủi ro; đảm bảo an toàn, bảo mật, tuân thủ các quy định về phòng, chống rửa tiền, bảo vệ quyền lợi khách hàng, quyền và trách nhiệm của các bên liên quan...

Để có cơ sở ban hành nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về tiền điện tử đặc biệt việc tổ chức không phải là ngân hàng cung ứng phát hành tiền điện tử, cần thiết phải bổ sung tiền điện tử là một phương tiện thanh toán thuộc dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng tại dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt (đã sửa đổi, bổ sung). Tuy vậy, cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản, trong đó có hoạt động cung ứng phát hành tiền điện tử là hoạt động tiềm ẩn nhiều rủi ro, có tính lan truyền, gây ảnh hưởng đến an ninh tiền tệ quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và đạo đức xã hội.

Do đó, để được cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô (tổ chức tín dụng) phải đáp ứng các điều kiện kinh doanh. Tuy nhiên, đối với tổ chức khác hiện nay chưa có quy định điều kiện kinh doanh phải đáp ứng khi cung ứng dịch vụ trên. Để làm cơ sở pháp lý và bảo đảm kiểm soát, ngăn chặn các rủi ro, bảo vệ quyền lợi của khách hàng, nâng cao vai trò hiệu lực hiệu quả giám sát của cơ quan nhà nước đối với tổ chức không phải ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng, trong đó có hoạt động cung ứng tiền điện tử (tổ chức không phải là tổ chức tín dụng) cần thiết phải được bổ sung vào Danh mục Ngành nghề kinh doanh có điều kiện tại Luật Đầu tư. Do vậy, ngày 22/11/2017 NHNN đã có Tờ trình gửi Thủ tướng Chính phủ về việc đề xuất sửa đổi ngành, nghề tại mục 239 Phụ lục 04 Danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện tại Luật Đầu tư, trong đó bổ sung dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng.

Thứ hai, cần xác định phạm vi và đối tượng cung ứng tiền điện tử để ban hành quy định quản lý phù hợp

Theo thông lệ quốc tế, ngoài các ngân hàng, tổ chức tín dụng, các tổ chức khác trong các ngành, lĩnh vực thương mại điện tử, bán lẻ, viễn thông, các nhà cung cấp giải pháp công nghệ... được tham gia phát hành tiền điện tử khi được cơ quan quản lý hoặc ngân hàng trung ương cấp phép. Theo đó, trong điều kiện của Việt Nam để thúc đẩy nhanh phát triển thanh toán không dùng tiền mặt, nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính của người dân, cần thiết phải xác định các loại hình được xem là tiền điện tử: Ví điện tử, thẻ trả trước do ngân hàng phát hành, giá trị tiền tệ lưu trữ trên điện thoại di động (ngoài chức năng thanh toán cước viễn thông, có thể sử dụng để thanh toán đa mục đích) và chịu sự quản lý cấp phép của cơ quan nhà nước.

Việc xác định rõ đối tượng và phạm vi cung ứng tiền điện tử giúp cơ giúp cho cơ quan quản lý nhà nước đưa ra các quy định phù hợp về điều kiện kinh doanh đối với dịch vụ thanh toán này, nhất là đối với quy định về điều kiện cung ứng phát hành tiền điện tử của tổ chức không phải là ngân hàng.

Thứ ba, cần quy định chặt chẽ các điều kiện đối với các tổ chức cung ứng, phát hành tiền điện tử

Để đảm bảo sự hoạt động an toàn, lành mạnh của hoạt động phát hành tiền điện tử theo thông lệ quốc tế, cần thiết phải ban hành các điều kiện chặt chẽ cho các tổ chức phát hành tiền điện tử như điều kiện về vốn, nhân sự, hạ tầng kỹ thuật, mạng lưới, hệ thống công nghệ thông tin; quy định đảm bảo an toàn trong việc nhận biết khách hàng (KYC), phòng chống rửa tiền; cơ chế giám sát an toàn bảo mật, bảo vệ quyền lợi và tài sản của khách hàng, chế độ thông tin báo cáo... Đồng thời yêu cầu các tổ chức không phải ngân hàng phát hành tiền điện tử phải xây dựng quy trình nghiệp vụ quản trị rủi ro; không được huy động nhận tiền gửi, số tiền điện tử được phát hành phải được gửi một giá trị tiền tương đương vào tài khoản đảm bảo tại ngân hàng; số tiền gửi trong tài khoản đảm bảo không được trả lãi và bất cứ khi nào khách hàng yêu cầu hoàn trả tiền mặt thì tổ chức phát hành phải hoàn trả theo đúng giá trị phát hành; xem xét trả lãi cho tổ chức cung ứng, phát hành tiền điện tử để các tổ chức này có điều kiện giảm phí cho người sử dụng...

2. Đề xuất của Ngân hàng Nhà nước

Từ những nội dung phân tích nêu trên, Ngân hàng Nhà nước đề xuất Thủ tướng Chính phủ như sau:

2.1. Giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nghiên cứu hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về quản lý tiền điện tử tại Việt Nam, sớm trình Chính phủ Nghị định thay

thế Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 về thanh toán không dùng tiền mặt và Nghị định 80/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 101/2012/NĐ-CP, trong đó làm rõ khái niệm tiền điện tử, hình thái biểu hiện và bản chất tiền điện tử; thẩm quyền cấp phép; điều kiện thực hiện phát hành tiền điện tử; quản trị rủi ro; bảo vệ quyền lợi và tài sản của khách hàng; quyền và trách nhiệm của các bên liên quan...

Lộ trình ban hành Nghị định thay thế Nghị định 101/2012/NĐ-CP và Nghị định 80/2016/NĐ-CP về thanh toán không dùng tiền mặt sẽ phụ thuộc vào tiến độ của dự thảo Luật Đầu tư được Quốc hội thông qua, dự kiến trong năm 2018.

2.2. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước trình Chính phủ đề xuất Quốc hội sửa đổi, bổ sung hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng vào Danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện tại Luật Đầu tư để NHNN có cơ sở pháp lý đưa quy định điều kiện phát hành tiền điện tử đối với tổ chức không phải ngân hàng vào Nghị định thay thế Nghị định 101/2012/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 80/2016/NĐ-CP).

Lộ trình thực hiện dự kiến trong năm 2018 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 12981/VPCP-PL ngày 05/12/2017 của Văn phòng Chính phủ.

Trên đây là báo cáo rà soát, đề nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật về tiền điện tử theo chỉ đạo tại Quyết định số 1255/QĐ-TTg ngày 21/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xin báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Nhu đề gửi;
- Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Kế hoạch Đầu tư (để p/hợp);
Thông tin và Truyền thông; Công thương
Công an, Khoa học và Công nghệ,
Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án
Nhân dân tối cao, VCCI, Hiệp hội DN
nhỏ và vừa Việt Nam;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Lưu: VT, TT (03).

THÔNG ĐÓC

Đính kèm:

- Phụ lục về tiền điện tử;
- Tài liệu liên quan.

PHỤ LỤC

Quy định về quản lý tiền điện tử của một số quốc gia trên thế giới (Đính kèm Báo cáo số /BC-NHNN ngày tháng 5 năm 2018)

Cùng với xu hướng phát triển của khoa học công nghệ và viễn thông, tiền điện tử đã xuất hiện và xâm nhập vào mọi mặt của đời sống kinh tế xã hội cùng với sự tiện ích, nhanh chóng và hiệu quả cho người sử dụng và thị trường. Tuy nhiên, hoạt động cung ứng tiền điện tử trong kỷ nguyên số cũng tiềm ẩn một số rủi ro phức tạp cho nền kinh tế (như rửa tiền, trốn thuế, chuyển tiền xuyên biên giới, tài trợ khủng bố...) và các cơ quan quản lý trong việc quản lý, giám sát hoạt động cung ứng tiền điện tử. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn quản lý tiền điện tử theo thông lệ quốc tế, nhiều ngân hàng trung ương và tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế đã nghiên cứu ban hành các quy định nhằm quản lý, giám sát hoạt động cung ứng, phát hành tiền điện tử, cũng như thúc đẩy sự phát triển của tiền điện tử tại quốc gia mình... Dưới đây là tóm tắt các yêu cầu pháp lý và quy định với dịch vụ tiền điện tử ở một số quốc gia trong khu vực Châu Á, Châu Âu và Châu Mỹ La tinh.

I. Khu vực Châu Á

1. Singapore

Tại Singapore, không có định nghĩa hay quy định cụ thể về tiền điện tử. Năm 2006, Cơ quan Quản lý Tiền tệ Singapore (MAS) đã ban hành quy định về *công cụ lưu trữ giá trị* (Store Value Facility - FCV)¹ - một hình thức tiền mặt điện tử trả trước hoặc thẻ được sử dụng trong hệ thống của tổ chức phát hành tiền điện tử. Theo quy định này, tổ chức phát hành SVF là tổ chức nắm giữ các giá trị được lưu trữ, giống như các tổ chức phát hành tiền điện tử (EMIs) tại các quốc gia khác. Đồng thời, vào năm 2016 MAS đã tiến hành sửa đổi Luật Giám sát Hệ thống Thanh toán và các quy định liên quan điều chỉnh việc phát hành và quản lý các SVFs, trong đó đưa ra những quy định đáng chú ý như: (i) SVF là một công cụ được chấp nhận rộng rãi và có các đặc tính như giá trị lưu trữ được tổ chức sở hữu giá trị lưu trữ chấp nhận và ngân hàng chấp nhận (accepting bank) phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về giá trị được lưu trữ đó; (ii) Việc sử dụng SVF không yêu cầu/bắt buộc khách hàng phải cung cấp thông tin định danh như thẻ căn cước công dân (ID Card), số nhận dạng cá nhân (PIN) hoặc chữ ký để phục vụ xác thực danh tính

¹ Tham khảo "Store Value Facility Guidelines" của Cơ quan Tiền tệ Singapore (MAS) năm 2006.

khách hàng (KYC); (ii) Ban hành các quy định về công cụ lưu trữ giá trị đơn mục đích - SVF chỉ được sử dụng với mục đích thanh toán hàng hoá/dịch vụ, hoặc hàng hoá/dịch vụ chỉ được cung cấp bởi tổ chức sở hữu giá trị lưu giữ, các mô hình SVF đơn mục đích phần lớn không phải tuân thủ các quy định tại Luật Giám sát Hệ thống thanh toán của MAS); đồng thời, đưa ra các quy định về SVF đa mục đích – SVF được sử dụng với nhiều mục đích khác nhau. Hiện, MAS quy định hạn mức thanh toán tối thiểu của SVF đa mục đích là 30 triệu đô la Singapore (tương đương khoảng 20 triệu Euro), đồng thời hoạt động của mô hình SVF đa mục đích phải được sự phê duyệt và cấp phép bởi MAS. Trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán SVF đa mục đích có giá trị thấp hơn 30 triệu đô la Singapore (hoặc tương đương với bất kỳ loại tiền tệ khác) trong tổng số tiền gửi tại bất kỳ thời điểm nào thì các phương tiện thanh toán đa mục đích không cần thiết phải xin phép MAS.

2. Malaysia

Hệ thống tiền điện tử đầu tiên được xuất hiện từ những năm 1990. Luật Dịch vụ Tài chính do NHTW Malaysia ban hành vào năm 2010 xem tiền điện tử như “*một công cụ thanh toán*² - công cụ (hữu hình hoặc vô hình) cho phép một cá nhân hoặc tổ chức thực hiện giao dịch thanh toán để mua hàng hóa hoặc dịch vụ”. Đồng thời, Luật Dịch vụ Tài chính cũng cho phép NHTW Malaysia sử dụng các công cụ thanh toán dưới dạng *phương tiện thanh toán chỉ định* (Default Payment Instrument - DPI), trong đó tiền điện tử, thẻ ghi nợ và thẻ tín dụng được liệt kê vào danh sách các công cụ thanh toán chỉ định.

Bên cạnh đó, NHTW Malaysia cũng đã đặt ra những quy định pháp lý đối với các EMI. Cụ thể là, Luật Dịch vụ Tài chính năm 2010 quy định “bất kỳ cá nhân nào hoạt động độc lập hoặc thỏa thuận với cá nhân hay tổ chức khác sẽ phải chịu nghĩa vụ thanh toán đối với phương tiện thanh toán, dù nghĩa vụ đó phát sinh từ cá nhân hoặc tổ chức phát hành sử dụng phương tiện thanh toán”. Trước đó, NHTW Malaysia quy định chỉ những công ty sáp nhập (acquisition companies) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp năm 1965 mới được phép sử dụng.

Trước năm 2005, chỉ các ngân hàng ở Malaysia được phép phát hành tiền điện tử. Ngày nay, NHTW Malaysia đã tự do hóa các hướng dẫn của mình thông qua việc cho phép các tổ chức phi ngân hàng được cung ứng phát hành tiền điện tử. Tuy nhiên, EMIs cũng phải đối mặt với trách nhiệm rất lớn về pháp lý và phải đáp ứng

² Tham khảo “*Payment Services Act*” của Bank Negara of Malaysia (2010).

đầy đủ các tiêu chuẩn do NHTW Malaysia quy định, cũng như các điều kiện hoạt động theo Luật Dịch vụ Tài chính.

Đối với các tổ chức nước ngoài tham gia cung ứng, phát hành tiền điện tử, NHTW Malaysia đặt ra những quy định nghiêm ngặt và hạn chế về vốn chủ sở hữu nước ngoài để hạn chế những rủi ro có thể phát sinh, ảnh hưởng đến thị trường tài chính tiền tệ và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước. Một trong số đó là quy định về vốn điều lệ đối với cấp phép hoạt động tiền điện tử. Chỉ thị của Liên minh Châu Âu đã xác định cụ thể số vốn điều lệ và quỹ vốn mà tổ chức phát hành tiền điện tử bắt buộc phải duy trì hạn mức theo quy định. Đến năm 2009, Chỉ thị này đã giảm mức vốn điều lệ đối với tổ chức đề nghị xin cấp giấy phép phát hành tiền điện tử từ 1 triệu Euro xuống còn 350,000 Euro, đây được xem là hành động “nới lỏng” nhằm thúc đẩy phát triển tiền điện tử, cũng như tạo điều kiện cho các tổ chức có nhu cầu tham gia cung ứng tiền điện tử.

3. Án Độ

Tại Án Độ, Luật các Hệ thống Thanh toán và Quyết toán năm 2007, có hiệu lực từ tháng 8 năm 2008, đã trao quyền cho Ngân hàng Dự trữ Án Độ (RBI) quản lý và giám sát các hệ thống thanh toán trong nước. Theo luật này, không có tổ chức nào được vận hành một hệ thống thanh toán trong nước nếu không được sự cho phép của RBI. Vào tháng 4 năm 2009, căn cứ vào Điều 18 của Luật, RBI đã ban hành Hướng dẫn Chính sách cho việc phát hành và hoạt động của *phương tiện thanh toán trả trước* (Prepaid Payment Instrument – PPI) tại Án Độ. Căn cứ vào các hướng dẫn đã được sửa đổi, có 63 tổ chức phi ngân hàng được phép vận hành các hệ thống thanh toán khác nhau ở Án Độ (tính đến đầu năm 2015). Trong số các tổ chức phi ngân hàng được cấp phép, có 33 tổ chức được phép phát hành phương tiện thanh toán trả trước. Các tổ chức không phải là ngân hàng phát hành các phương tiện thanh toán bắt buộc phải ký quỹ số tiền trong một tài khoản đảm bảo tại một ngân hàng thương mại và số tiền này chỉ được sử dụng để hoàn trả tiền điện tử. Đối với các hệ thống vận hành bởi các ngân hàng, số tiền phát hành tiền điện tử sẽ được hạch toán vào mục Nhu cầu Ròng và Nợ Thời điểm (Net Demand and Time Liabilities) cho mục đích duy trì dự trữ bắt buộc.

II. Khu vực Châu Âu

1. Liên minh Châu Âu

Quy định về quản lý tiền điện tử đầu tiên được Liên minh Châu Âu ban hành vào năm 2000 dưới dạng Chỉ thị về Tiền điện tử (Electronic Money Directive) với mục tiêu nhằm tăng khả năng cạnh tranh và đổi mới sáng tạo trong hoạt động thanh toán bán lẻ trong khi vẫn đảm bảo tính an toàn, bảo mật và quyền lợi của khách hàng khi thanh toán bằng phương thức tiền điện tử. Theo quy định tại Chỉ thị này, các tổ chức không phải là ngân hàng có thể được phép phát hành tiền điện tử - gọi là các EMIs³. Năm 2007, Chỉ thị Dịch vụ Thanh toán (Payment Service Directive) đã bổ sung thêm quy định về các tổ chức thanh toán (Payment Institutions - PIs), những tổ chức này được phân loại là tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (Payment Service Providers - PSP) phi ngân hàng mới, được quyền cung cấp dịch vụ thanh toán theo một giấy phép duy nhất có giá trị trong khu vực EU. Trong năm 2009, EMD đã được bổ sung, sửa đổi nhằm quy định cơ chế đảm bảo hoạt động an toàn cho EMIs để phù hợp với PSD⁴. Do đó, các tổ chức phi ngân hàng được phép cung cấp dịch vụ thanh toán cho người sử dụng căn cứ theo hai chỉ thị trên. EMIs ngoài việc được phép phát hành tiền điện tử, có thể được phép cung ứng đầy đủ các dịch vụ mà PSD cho phép; PIs chỉ có thể cung ứng dịch vụ thanh toán, nhưng không được phép phát hành tiền điện tử. So với các phương tiện thanh toán điện tử khác, tỷ trọng các giao dịch mua bán bằng tiền điện tử trong khu vực đồng Euro không lớn, chiếm 2,62% trong năm 2013. Tiền điện tử được phát hành trong khu vực đồng Euro ở mức 6,6 tỷ EURO trong năm 2014. EMIs được cấp phép ở EU chủ yếu tập trung ở các quốc gia như Vương Quốc Anh (48/177) và Đan Mạch (38/177)⁵.

2. Nga

Dịch vụ tiền điện tử ở Nga được điều chỉnh bởi các quy định của luật liên bang Hệ thống Thanh toán Quốc gia (National Payment Service Act - NPS), theo đó các dịch vụ này chỉ được cung ứng bởi các tổ chức tín dụng. Có hơn 90 tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tiền điện tử tính đến đầu năm 2015. Tính đến cuối năm 2014, theo báo cáo có hơn 350 triệu tài khoản tiền điện tử đang hoạt động (thẻ trả trước, ví điện tử,...) và trên 1,1 tỷ giao dịch tiền điện tử được thực hiện. Luật NPS

³ Chỉ thị 2000/46/EC của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 18/9/2000 về việc cấp phép, theo dõi và giám sát an toàn cho hoạt động kinh doanh của các tổ chức tiền điện tử.

⁴ Chỉ thị 2007/64/EC của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 13/11/2007 về các dịch vụ thanh toán trong thị trường khu vực sửa đổi Chỉ thị 97/7/EC, 2002/65/EC, 2005/60/EC và 2006/48/EC và bãi bỏ Chỉ thị 97/5/EC liên quan tới Khu vực kinh tế Châu Âu (EEA).

⁵ Chỉ thị 2009/110/EC của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 16/9/2009 về việc cấp phép, theo dõi và giám sát an toàn cho hoạt động kinh doanh của các tổ chức tiền điện tử sửa đổi Chỉ thị 2005/60/EC và 2006/48/EC và thay thế Chỉ thị 2000/46/EC.

cũng xem xét việc yêu cầu về vốn thấp hơn đối với các tổ chức tín dụng chuyên phát hành tiền điện tử. Luật NPS cũng cho phép các tổ chức tín dụng sử dụng các đại lý để cung cấp các dịch vụ tiền điện tử (bao gồm các dịch vụ như phân phối các phương tiện thanh toán hoặc nạp tiền vào các tài khoản tiền điện tử).

3. Thổ Nhĩ Kỳ

Tại Thổ Nhĩ Kỳ, Luật các Hệ thống Thanh toán và Quyết toán Chứng khoán, Dịch vụ Thanh toán và Luật về Tiền điện tử đã mở đường cho các tổ chức phi ngân hàng với vai trò là PSP bằng cách quy định hai loại hình tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính mới: PIs và EMIs. Trong đó, PIs có thể cung ứng dịch vụ xử lý giao dịch, nhưng không được phát hành tiền điện tử; EMIs phải đáp ứng các yêu cầu về vốn cao hơn (5 triệu TRY so với 1-2 triệu TRY đối với các PIs)⁶ và có thể cung ứng các tài khoản tiền điện tử cho khách hàng. Cơ quan Quản lý và Thanh tra Ngân hàng được trao quyền cấp phép và giám sát cả hai loại hình PIs và EMIs theo Luật Dịch vụ thanh toán. EMIs có nghĩa vụ duy trì tiền nhận được từ khách hàng trong một tài khoản đảm bảo tại ngân hàng. Các ngân hàng đang nắm giữ những tài khoản này phải phong tỏa số tiền đã gửi của EMI trong tài khoản của ngân hàng mở tại Ngân hàng Trung ương Thổ Nhĩ Kỳ.

III. Khu vực Châu Phi

1. Ghana

Năm 2002, NHTW Ghana đã ban hành “*Hướng dẫn nguyên tắc đối với các tổ chức phát hành tiền điện tử*”⁷ với 4 mục tiêu chính: (i) Đẩy mạnh phổ cập tài chính không rủi ro đối với sự an toàn, lành mạnh của hệ thống tài chính; I Mở rộng các dịch vụ tài chính hướng các kênh phân phối dựa trên chi nhánh truyền thống đến các lĩnh vực giao dịch hàng ngày; (iii) Đảm bảo tiền điện tử chỉ được cung ứng bởi các định chế tài chính, được quy định bởi Luật Ngân hàng và các pháp nhân phi ngân hàng được cấp phép tham gia cung ứng, phát hành tiền điện tử và các hoạt động liên quan đến tiền điện tử dưới sự giám sát và quản lý chặt chẽ của NHTW Ghana; và (iv) Đảm bảo quyền lợi khách hàng của tổ chức phát hành tiền điện tử như quyền truy đòi hữu hiệu (effective recourse), đối xử bình đẳng, minh bạch thông tin...

Theo Hướng dẫn này, NHTW Ghana đã đặt ra những yêu cầu về tuân thủ đối với các EMI, cụ thể là EMI phải thiết lập các hệ thống có các cơ chế kiểm soát nội

⁶ 1 triệu TRY tương đương với khoảng 380.000 đô la Mỹ thời điểm đầu năm 2015.

⁷ Tham khảo “*Guidelines for Electronic Money Issuers in Ghana*” của Bank of Ghana, 2002.

bộ phục vụ cho công tác kiểm toán (tương tự như trường hợp của Tanzania), các cơ chế kiểm soát này bao gồm, nhưng không giới hạn đối với các hồ sơ tài khoản tiền điện tử được mở; nhận diện người sử dụng tiền điện tử; theo dõi và giám sát tất cả các giao dịch tiền điện tử của người sử dụng; số dư cá nhân và số dư tổng số tiền mà chủ sở hữu tiền điện tử nắm giữ; các chính sách, quy trình nội bộ và trách nhiệm gắn liền với phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố (ALM/CFT); cảnh báo tự động đối với các giao dịch đáng ngờ; phát hiện các mẫu giao dịch.

Bên cạnh đó, EMIs phải giữ các hồ sơ về các giao dịch tiền điện tử đã thực hiện trong thời gian ít nhất 6 năm; phải đảm bảo rằng EMIs có các hệ thống có khả năng cung cấp các thông tin minh bạch, chính xác và có độ tin cậy cao; đồng thời, các EMIs sẽ phải chịu phạt 2,500 đơn vị trong trường hợp không tuân thủ đúng các điều khoản quy định tại Hướng dẫn của NHTW Ghana.

2. Tanzania

Năm 2015, Tanzania đã ban hành *Quy chế về Tiền điện tử*⁸, trong đó quy định các tổ chức phi ngân hàng bắt buộc phải được cơ quan quản lý/ngân hàng trung ương cấp phép khi tham gia cung ứng, phát hành tiền điện tử. Theo quy định, các ngân hàng chỉ được NHTW Tanzania phê duyệt cấp phép cung ứng, phát hành tiền điện tử khi đáp ứng được yêu cầu, điều kiện về việc mở tài khoản để thực hiện các giao dịch tiền điện tử cho những khách hàng không đủ điều kiện mở tài khoản thông thường, đặc biệt là những khách hàng ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa ít có điều kiện tiếp cận với các dịch vụ tài chính – ngân hàng truyền thống.

Quy chế về Tiền điện tử của Tanzania cũng quy định tổ chức phát hành tiền điện tử được yêu cầu phải duy trì mức vốn tối thiểu 500 triệu shilling⁹ (tương đương 223.316 USD) tại bất kỳ thời điểm nào nhằm đảm bảo sự hoạt động an toàn và lành mạnh, khả năng thanh khoản của EMIs. Theo thời gian, các EMIs cũng có thể điều chỉnh mức vốn tối thiểu quy định với sự phê duyệt của NHTW Tanzania. Ngoài ra, EMIs sẽ phải bảo đảm duy trì một hệ thống quản lý thông tin (MIS) ổn định, lành mạnh nhằm hỗ trợ thu thập và xử lý thông tin và dữ liệu thống kê hiệu quả và có khả năng cung cấp các bằng chứng kiểm toán thông qua các kiểm toán viên nội bộ hoặc kiểm toán viên bên ngoài và ngân hàng.

Đồng thời, để bảo vệ người tiêu dùng sử dụng tiền điện tử, EMIs phải công bố mức phí và lãi suất cho các dịch vụ cung cấp cho khách hàng và đầy đủ thông tin

⁸ Tham khảo “The Electronic Money Regulation 2015” của National Payment Systems Act, Tanzania.

⁹ Shilling: đơn vị tiền tệ của một số quốc gia Châu Phi như Tanzania, Kenya...

khi có những thay đổi về phí và lãi suất. Thông báo cho khách hàng sẽ được công bố thông qua phương tiện truyền thông điện tử và được hiện thị ở những địa điểm mà khách hàng dễ nhận biết như tại văn phòng EMIs và các đại lý phát hành tiền điện tử; các thông tin công bố phải rõ ràng, minh bạch, tránh gây hiểu nhầm cho khách hàng.

3. Kenya

Năm 2013, Ngân hàng Trung ương Kenya đã ban hành *Quy định về tiền điện tử thuộc Luật các Hệ thống Thanh toán Quốc gia*¹⁰, trong đó yêu cầu các tổ chức tham gia cung ứng, phát hành tiền điện tử phải đáp ứng được các điều kiện cơ bản như:

- (i). Mỗi tài khoản tiền điện tử được phát hành phải tuân thủ hạn mức giao dịch cá nhân không vượt quá 75.000 shilling và tổng hạn mức hàng tháng là 1 triệu shilling, trên cơ sở đó NHTW Kenya sẽ phê duyệt các hạn mức cho từng hạng mục cụ thể của các tài khoản tiền điện tử;
- (ii). EMIs phải xây dựng hệ thống công nghệ thông tin để đảm bảo việc lưu giữ các tài khoản tiền điện tử được mở một cách chính xác và đầy đủ, có thể nhận diện chủ sở hữu tiền điện tử, các giao dịch được thực hiện bởi chủ tài khoản tiền điện tử và số dư mà chủ tài khoản tiền điện tử nắm giữ;
- (iii). EMIs phải đảm bảo rằng họ và các đại lý (agents) phải tuân thủ với các điều khoản dự phòng áp dụng theo Luật Hình sự và Luật Phòng, chống rửa tiền và các quy định được ban hành theo Luật trên;
- (iv). EMIs phải thực hiện ký các thỏa thuận bằng văn bản với từng chủ tài khoản tiền điện tử, trong đó xác định EMIs có trách nhiệm đối với chủ tài khoản tiền điện tử, quyền và nghĩa vụ của các bên có liên quan;
- (v). EMIs sẽ được hoàn trả tiền theo mệnh giá (par value) của tiền điện tử và không được thu lãi hoặc bất kỳ khoản lợi nhuận nào của chủ sở hữu tiền điện tử;
- (vi). EMIs không phải là các ngân hàng hoặc định chế tài chính không được tham gia vào bất kỳ hoạt động cho vay hoặc đầu tư nào theo quy định tại khoản (viii) dưới đây;
- (vii). EMIs không được vay tiền từ bên thứ ba (bao gồm các cá nhân có cổ phần trong EMI) hoặc có nghĩa vụ khác ngoài nghĩa vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của EMIs; và

¹⁰ Tham khảo “Electronic Money Regulation 2013” của Bank of Kenya.

(viii). Bất kỳ thay đổi về công cụ thanh toán tiền điện tử mà EMIs dự kiến giới thiệu phải được NHTW Kenya phê duyệt và EMIs phải thông báo cho NHTW Kenya trong vòng 30 ngày bằng văn bản trước khi triển khai để xuất về những thay đổi này.

Ngoài ra, Luật các Hệ thống Thanh toán Quốc gia cũng đưa ra các yêu cầu về tài sản thanh khoản, trong đó EMIs phải duy trì tỷ lệ tài sản thanh khoản đúng bằng với số tiền điện tử quá hạn được tổ chức phát hành. Tài sản thanh khoản này được duy trì dưới hình thức số dư tại ngân hàng được NHTW Kenya phê duyệt, sau khi trừ đi các khoản tiền các ngân hàng nợ và số tiền này sẽ được giữ tách biệt với số tiền thu được từ các nghiệp vụ khác của EMIs hoặc bất kỳ tài sản thanh khoản khác được quy định bởi NHTW Kenya. Mặt khác, để bảo vệ quyền lợi của chủ tài khoản tiền điện tử, NHTW Kenya sẽ yêu cầu EMIs phải giữ tài khoản thanh khoản ở ít nhất một ngân hàng và những nội dung về giải quyết khiếu nại của khách hàng cũng được quy định cụ thể tại Luật này nhằm đảm bảo quyền lợi của khách hàng cũng như nghĩa vụ của EMIs.

IV. Khu vực Châu Mỹ La tinh

1. Hoa Kỳ

1.1. Quy định về tiền điện tử

Cách tiếp cận, khái niệm và các quy định quản lý về Tiền điện tử ở Hoa Kỳ có sự khác biệt đáng kể so với cách tiếp cận của Liên minh Châu Âu. Trước tiên, ở cấp độ Liên bang cho đến nay không có bất kỳ một quy định nào về việc quản lý tiền điện tử tương tự như Chỉ thị về Tiền điện tử do Liên minh Châu Âu ban hành, do vậy có thể tập hợp phần lớn các quy tắc và yêu cầu đối với các tổ chức phát hành tiền điện tử. Tuy nhiên, việc phát hành và sử dụng tiền điện tử tại Hoa Kỳ được quy định ở nhiều cấp văn bản pháp lý khác nhau (bao gồm cả quy định ở cấp các tiểu bang).

Khác với Liên minh Châu Âu, *Hoa Kỳ không có định nghĩa rõ ràng về tiền điện tử, cũng như không có thuật ngữ thống nhất để cập đến tiền điện tử*, như Mạng lưới thi hành luật pháp về tội phạm tài chính của Hoa Kỳ thuộc Cục Ngân khố Mỹ sử dụng thuật ngữ tiền ảo (virtual currency), trong khi các tổ chức khác cho rằng đây là ‘tiền điện tử’. Chính vì không có khái niệm thống nhất về tiền điện tử, trong một án phẩm của Đại học Luật Washington đã liệt kê một số loại hình phương tiện như là tiền điện tử, trong đó:

- Tiền điện tử tồn tại trên môi trường mạng Internet được xác định là “*tiền hoặc một khoản tiền thay thế được chuyển đổi bằng các thông tin lưu trữ trong chip máy tính hoặc một máy tính cá nhân (PC) qua đó có thể được chuyển qua các hệ thống thông tin như Internet*”. Theo cách hiểu này, tiền điện tử tồn tại trên môi trường mạng Internet bao gồm “mã hóa điện tử (tokens) hoặc hệ thống tiêu chuẩn” khi người sử dụng sở hữu một lượng tokens từ ngân hàng hoặc EMIs không phải ngân hàng và sử dụng chúng để thay thế cho tiền khi thực hiện giao dịch thanh toán trên Internet. Người thụ hưởng chấp nhận giao dịch này như một khoản thanh toán và có thể yêu cầu tổ chức phát hành mua lại chúng.

- Các sản phẩm lưu trữ giá trị (như thẻ trả trước hoặc thẻ lưu trữ giá trị) có thể được chấp nhận làm tài khoản thanh toán để mua hàng hóa và/hoặc dịch vụ, bao gồm cả thẻ lưu trữ giá trị và giá trị được lưu trữ trên các thiết bị khác.

- ‘Chứng từ điện tử’ được sử dụng và chấp nhận như một phương tiện thanh toán cho các giao dịch thực hiện trên môi trường mạng Internet và có thể được quy đổi thành tiền pháp định.

- Các dịch vụ chuyển tiền trên Internet được cung cấp bởi các ngân hàng và/hoặc các tổ chức không phải ngân hàng.

- Thanh toán qua các phương tiện thanh toán di động...

Như vậy, Hoa Kỳ không có cách tiếp cận thống nhất đối với vấn đề tiền điện tử như Liên minh Châu Âu và quy định về tiền điện tử (hoặc tương tự) còn tương đối phân tán (decentralized). Các công cụ lưu trữ giá trị có thể được quy định bởi luật pháp do Liên bang ban hành, đồng thời nó có thể được quy định cả ở cấp tiểu bang. Điều này làm cho các quy định về tiền điện tử tại Hoa Kỳ ở nhiều cấp độ và ở một mức độ nhất định, phức tạp hơn so với quy định đơn giản về tiền điện tử trong Liên minh châu Âu.

1.2. Các tổ chức phát hành tiền điện tử tại Hoa Kỳ

Tại Hoa Kỳ, các khoản tiền điện tử (hoặc tương tự) có thể được phát hành bởi các ngân hàng hoặc các tổ chức phi ngân hàng (non-banks). Các tổ chức phát hành là ngân hàng được quy định tại các văn bản pháp luật ở cấp liên bang và ngược lại tổ chức phi ngân hàng chủ yếu hiện nay mới được quy định tại cấp độ tiểu bang.

Đạo luật Dịch vụ Tiền tệ Thống nhất (Unified Monetary Service Act - UMSA) đã được phê duyệt và được áp dụng đối với tất cả các bang bởi Hội nghị các Ủy viên Quốc gia về Thống nhất Nhà nước Luật. UMSA đã giải quyết và làm

rõ một số vấn đề “công cụ lưu trữ giá trị”, trong đó định nghĩa SVF là “*giá trị tiền tệ được chứng minh bằng một bản ghi điện tử*” và giá trị tiền tệ là “*một phương tiện trao đổi, có hoặc không đổi được thành tiền*”. UMSA chỉ được ban hành ở một số tiểu bang và vùng lãnh thổ có giới hạn (như Alaska, Arkansas, Iowa, Puerto Rico, Texas, Quần đảo Virgin thuộc Hoa Kỳ, Vermont và Washington). Đây là những bang có khuôn khổ pháp luật được tiếp cận giống nhau.

UMSA thiết lập một số quy tắc áp dụng cho tổ chức phát hành tiền điện tử. Khác với Chỉ thị về Tiền điện tử của Liên minh châu Âu, UMSA không chỉ quy định EMIs và tổ chức phát hành thẻ lưu trữ giá trị điện tử, mà còn quy định cả dịch vụ được gọi là “chuyển tiền¹¹”, cũng như những quy định đối với tổ chức thực hiện cung ứng các hoạt động đó. Như vậy, thay vì chỉ một phạm vi hạn chế của tiền điện tử và các tổ chức phát hành như trong trường hợp của Chỉ thị về Tiền điện tử của Liên minh Châu Âu, UMSA nói chung quy định EMIs là những tổ chức thực hiện cả hoạt động chuyển tiền.

2. Uruguay

Tại Uruguay, Luật Phổ cập Tài chính được ban hành vào tháng 4 năm 2014. Bên cạnh nhiều mục tiêu, Luật này quy định tiền điện tử thông qua việc cấp phép cho một loại hình tổ chức cung ứng dịch vụ mới có tên *Emisor de Dinero Electrónico* (tổ chức phát hành tiền điện tử). Ngân hàng Trung ương Uruguay quản lý một cách linh hoạt nhiều mô hình kinh doanh và cung ứng dịch vụ khác nhau bởi tổ chức phát hành tiền điện tử. Ngân hàng này đã cấp phép cho 3 đơn đề nghị phát hành tiền điện tử và 8 đơn đề nghị đang trong quá trình xem xét. Hơn nữa, với việc triển khai đầy đủ Luật nói trên, thanh toán điện tử và cơ sở hạ tầng thương mại điện tử ở nước này đã có bước phát triển tích cực đáng ghi nhận.

¹¹ Theo UMSA, chuyển tiền là “bán hoặc phát hành các công cụ thanh toán, lưu trữ giá trị hoặc nhận tiền hoặc giá trị tiền tệ để chuyển tiền”.